

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P R
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2018/HS-ST**
Ngày 26-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P R**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Khách

Ông Lê Trọng Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P R , tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P R tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P R , tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Vi Hoài B , sinh năm: 1993, tại Thanh Hóa, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam ; HKTT: Thôn T, xã X, huyện T X, tỉnh Thanh Hóa; Chỗ ở: Thôn T B, xã T L, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá 5/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

Con bà Vi Thị H; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1999, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Ngày 11/8/2018 bị cáo thực hiện hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P R ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Bị cáo đang bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/8/2018 cho đến nay.

(có mặt)

***Bị hại:** Anh Trần Văn T , sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã L H , huyện P R, Bình Phước

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Phan Văn N , sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố T B, phường T B, thị xã Đ X, tỉnh Bình Phước

2/ Bà Phạm Thị D , sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 8, xã L, huyện P R, tỉnh Bình Phước

3/ Bà Lê Thị N , sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T H, xã B N, huyện P R, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì Hoài B là người làm thuê công việc khoan giếng cho Trần Văn T, sinh năm: 1997, trú tại thôn 2, xã L, huyện P R, tỉnh Bình Phước. Vào ngày 11/8/2018, T đi đám cưới ở tỉnh Đắk Lắk nên khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, T giao xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 93H1-154.27 cho B để làm phương tiện đi làm. Sau đó, B điều khiển xe mô tô trên đi đến khu vực phường TM, thị xã PL, tỉnh Bình Phước để chờ P (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi làm. Khi B và P đi đến khu vực Ngã ba thuộc thôn 8, xã L H, huyện P R thì P rủ B nghỉ làm đi nhậu, B đồng ý. Do lúc này không có tiền, nên B nảy sinh ý định mang xe mô tô của T đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Sau đó cả 02 đi đến một quán bia hơi (không rõ tên và địa chỉ) thuộc khu vực thị xã Đ X để nhậu. Sau khi nhậu xong, do không có tiền để trả nên B gọi điện thoại cho Phan Văn N để cầm cố xe mô tô trên nhưng N không cầm vì B nói là xe của B nhưng do đi gấp không mang theo giấy chứng nhận đăng ký xe. Lúc này, B nói N cho mượn số tiền 4.000.000đ rồi B để lại xe mô tô để làm tin, N đồng ý. Sau đó, B đến gặp N tại khu vực đường L T K, phường T P, thị xã ĐX. Tại đây, B đưa xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 93H1-154.27 cho N thì N đưa cho B số tiền 3.800.000đ, N lấy trước 200.000đ tiền lãi rồi B và P tiếp tục đi nhậu, hát karaoke đến gần sáng thì thuê nhà nghỉ để ngủ. Đến sáng ngày 12/8/2018, B đưa cho P số tiền 500.000đ và nói P đi

mua ma túy đá về cả 02 sử dụng, số tiền còn lại B trả tiền nhà nghỉ. Sau đó B đi về nhà của chị Vi Thị Q tại thôn T B, xã T L, huyện Đ P để ở, còn P đi đâu không rõ.

Do không thấy B mang xe mô tô của mình về nên T nhiều lần gọi điện thoại cho B nhưng B không nghe máy, T nhắn tin nói B mang xe về thì B nhắn tin lại cho T nói mang số tiền 4.000.000đ đến thị xã Đ X để gặp N chuộc xe, đồng thời B nhắn tin số điện thoại của N cho T, nên T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P R trình báo sự việc. Đến ngày 16/8/2018, T gọi điện thoại cho N rồi cả 02 hẹn gặp nhau ở thị xã Đ X để thỏa thuận việc chuộc xe thì bị lực lượng Công an huyện P R phát hiện rồi mời N về trụ sở Công an làm việc.

Đến ngày 17/8/2018, Vi Hoài B đến Công an huyện P R đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, thu giữ vật chứng gồm: 01 xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 93H1-154.27; 01 xe mô tô hiệu Wave, BKS: 47M8-6743; Số tiền 3.000.000đ của Phan Văn N giao nộp; 01 ĐTDĐ Nokia 1202 màu xanh; 01 sim số thuê bao 0944.562.517 của Vi Hoài B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐG, ngày 20/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P R kết luận giá trị của 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát: 93H1-154.27, tại thời điểm ngày 11/8/2018 là 8.540.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 82/CTr/VKSPT ngày 07/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P R, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Vi Hoài B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; 50 Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Vi Hoài B mức án từ 09 đến 12 tháng tù giam.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại P ên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Vi Hoài B đã khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Qua đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp với kết luận định giá tài sản, đồng thời phù hợp với kết luận của Viện kiểm sát và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 11/8/2018, bị cáo B được anh Trần Văn T tin tưởng giao xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 93H1-154.27 có giá trị 8.540.000đ để làm phương tiện đi làm. Sau khi nhận được xe, bị cáo B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên cầm cố lấy tiền tiêu xài, dùng ma túy cho bản thân mà không có khả năng trả lại tài sản. Hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét về tính chất vụ án: Bị cáo là đối tượng lười lao động, nghiện ma túy, chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu của bản thân, dùng ma túy. Hành vi mà bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần phải xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng để giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự ra đầu thú;

tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho người bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh và phần hình phạt là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận

- Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, anh Trần Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo B tự nguyện trả lại cho anh Phan Văn N số tiền 4.000.000đ nên được chấp nhận.

- Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với xe mô tô Yamaha Sirius, BKS: 93H1-154.27 và số tiền 3.000.000đ là tài sản hợp pháp của Trần Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội, ngày 22/8/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P R đã trả lại cho T nên không xem xét giải quyết.

Đối với xe mô tô hiệu Wave, BKS: 47M8-6743 của Phan Văn N, quá trình điều tra, xác định xe mô tô này N mua của 01 tiệm ve chai về lắp ráp để sử dụng, xe không có giấy chứng nhận đăng ký nên Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định xác định nguồn gốc xe mô tô nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó, cơ quan điều tra đã tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau, nên không xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh và sim số thuê bao 0944.562.517 là tài sản của Vi Hoài B dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Vi Hoài B** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Vi Hoài B **12 (mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ: Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu xung quỹ Nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 màu xanh và sim số thuê bao 0944.562.517.

3. Về tránh nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Vi Hoài B hoàn trả lại cho anh Phan Văn N số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí sơ thẩm: Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vi Hoài B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P R ;
- Chi cục THADS huyện P R ;
- CA huyện P R ;
- Nhà tạm giữ CA huyện P R

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P ÊN TÒA**

đã ký

- Bị cáo; người tham gia tố tụng
- Lưu.

Đỗ Tấn Trường

